

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM-ST
Ngày: 28-10-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Thuận.

2. Bà Lê Thị Dệt.

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 28/10/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2021/TLST - KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-KDTM ngày 16/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-KDTM ngày 01/9/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty X.

Địa chỉ: Số xxx đường B, phường H, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T – Chức vụ: Chủ tịch Công ty X.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trường G, sinh năm 1983.

Chức vụ: Phụ trách Petrolimex - Cửa hàng xx thuộc Công ty X. (Theo Văn bản ủy quyền đề ngày 11/3/2021 của chủ tịch Công ty X).

2. Bị đơn: Công ty T

Địa chỉ: thôn x, Chợ L, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H – Chức vụ: Giám đốc

Tại phiên tòa có mặt ông G, vắng mặt ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2021 và quá trình giải quyết, xét xử, người đại diện theo ủy quyền ông Lê Trường G trình bày:

Ngày 14/12/2018, Công ty X và Công ty T(sau đây gọi tắt là Công ty T) ký kết hợp đồng mua bán xăng dầu, dầu nhờn (cấp lẻ) số 101/2018-HDBL. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2019. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty X đã thực hiện đúng như nội dung hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, Công ty T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền theo như hợp đồng đã ký kết. Tính đến ngày 31/12/2019 Công ty T còn nợ tiền của Công ty X tổng số tiền là: 295.078.000 đồng (*Hai trăm chín lăm triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng*). Số nợ này đã được hai bên đối chiếu và thừa nhận. Công ty X đã nhiều lần yêu cầu Công ty T trả số nợ còn lại theo như hợp đồng, nhưng Công ty T không trả nợ. Vì vậy, Công ty X đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa buộc Công ty T thực hiện nghĩa vụ thanh toán như trong hợp đồng. Tính đến ngày 31/12/2019 Công ty T phải thanh toán cho Công ty X số tiền là 295.078.000 đồng (*Hai trăm chín lăm triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng*).

- Về phía Công ty T : Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho ông Lê Văn H (Giám đốc Công ty T) nhưng ông H không đến Tòa án để làm việc, cũng không nộp văn bản nêu ý kiến của mình cho Tòa án.

Ngày 23/8/2021, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã tiến hành việc xác minh tình trạng hoạt động của Công ty T tại Chi cục thuế khu vực Triệu Sơn - Nông Cống, Ông Nguyễn Huy Phương, chức vụ Phó chi cục trưởng và bà Vũ Thị Thư, chức vụ công chức thuế cung cấp thông tin: Công ty T có trụ sở chính tại xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa có mã số thuế là 2801 690 983; tình trạng của công ty vẫn hoạt động bình thường; Công ty T đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 09/6/2011 ngành nghề kinh doanh chính là xây dựng, trong 03(ba) tháng gần đây nhất (tháng 5, tháng 6 và tháng 7 năm 2021) công ty không đóng thuế.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty X trình bày: Sau khi công ty khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, ông Lê Văn H có chuyển khoản trả cho Công ty X 02(hai) lần với tổng số tiền là 30.000.000đ(*Ba mươi triệu đồng*). Do đó, đến ngày xét xử, Công ty T còn nợ của Công ty X số tiền là: 265.078.000đ (*Hai trăm sáu mươi lăm triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng*). Vì vậy, Công ty X đề nghị Tòa án giải

quyết buộc Công ty T phải trả cho Công ty X số tiền là 265.078.000đ (Hai trăm sáu mươi lăm triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân (Viết tắt là VKSND) huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:

+ *Về tố tụng:*

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự. Việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Viết tắt là BLTTDS).

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (Viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đối với bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bị đơn, tuy nhiên bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

+ *Về nội dung:* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa sau khi phân tích đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều: 463, 465, 466, 468, 470 BLTTDS xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật: Ngày 14/12/2018, Công ty X và Công ty T ký kết hợp đồng mua bán xăng dầu, dầu nhớt (cấp lẻ) số 101/2018-HDBL. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2019. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty X đã thực hiện đúng hợp đồng, Công ty T đã nhận hàng hóa và có văn bản đối chiếu và xác nhận công nợ nhưng không thanh toán theo thỏa thuận. Ngày 15/3/2021, Công ty X khởi kiện Công ty T tại Tòa

án. Do đó xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn là Công ty X khởi kiện Công ty T là hai tổ chức có đăng ký kinh doanh, hai bên giao kết hợp đồng đều nhằm mục đích lợi nhuận.

Công ty T có địa chỉ trụ sở chính tại: xã T, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt người đại diện theo pháp luật của Công ty T, tuy nhiên bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Ngày 14/12/2018, Công ty X và Công ty T ký kết hợp đồng mua bán xăng dầu, dầu nhờn (cấp lẻ) số 101/2018-HDBL. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2019. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty X đã bàn giao số lượng hàng hóa tương đương với số tiền 295.078.000 đồng (*Hai trăm chín lăm triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng*) cho Công ty T và hai bên đã có biên bản đối chiếu và xác định công nợ. Tính đến ngày khởi kiện, Công ty T không thanh toán tiền cho Công ty X. Sau khi khởi kiện, Công ty T có trả cho Công ty X 02(hai) lần với tổng số tiền là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*). Vì vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, Công ty T còn nợ Công ty X số tiền là 265.078.000đ (*Hai trăm sáu mươi lăm triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng*).

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty X đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty T phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho công ty, yêu cầu Công ty T phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Xét yêu cầu của Công ty X đối với Công ty T thấy rằng: Hai bên có giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa. Bên bán đã giao hàng đúng số lượng, chủng loại theo yêu cầu của bên mua, sau khi thực hiện việc mua bán, hai bên có chốt số tiền nợ mua bán hàng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật và có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Công ty T phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Công ty X số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 khoản 8 Điều 3, Điều 24, Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại; Điều 430; Điều 440 và Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là Công ty TNHH T, địa chỉ: thôn x, Chợ L, xã T, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa phải trả cho Công ty X, địa chỉ: Số xxx đường B, phường H, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa số tiền 265.078.000đ (*Hai trăm sáu mươi lăm triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Công ty T phải chịu 13.253.900 đồng (*Mười ba triệu hai trăm năm mươi ba nghìn chín trăm đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty X số tiền 7.400.000đ (*Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0002343 ngày 12/3/2021 của Chi cục THADS huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm có mặt người đại diện của nguyên đơn, vắng mặt người đại diện của bị đơn. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Nông Công;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Công;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOạ PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh